Ký bởi Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (M)
Giờ ký: 2019.05.20 16:48:19 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: 1777/SNN&PTNT-QLXDCT
V/v báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật ĐTXD công trình Xử lý sạt lở đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 20 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Tờ trình số 258/TTr-CCĐĐ ngày 02/5/2019 của Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão về việc đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xử lý sạt lở đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa *(kèm theo hồ sơ)*;

Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 27/7/2018 của UBND tỉnh về quy định phân công, phân cấp thẩm định dự án, thiết kế cơ sở và thiết kế, dự toán xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 950/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 ban hành tình huống khẩn cấp để triển khai khắc phục kịp thời sự cố sạt lở đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa do mưa lũ tháng 10/2017 và đợt mưa lũ từ ngày 28-31/8/2018 gây ra; số 1140/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xử lý sạt lở đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa;

Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xử lý sạt lở đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình: Xử lý sạt lở đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa.

2. Loại, cấp công trình: Công trình nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

4. Tên chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT.

5. Giá trị dự toán trình thẩm định: 9.671,935 triệu đồng.

6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 10.000 triệu đồng (điều chuyển từ nguồn vốn ngân sách Trung ương bố trí cho dự án xử lý sạt lở đê hữu sông Mã đoạn K2+602 - K2+700 (đê cấp II), xã Quý Lộc, huyện Yên Định theo Công văn số 14473/UBND-THKH ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh). Phần kinh phí bồi thường GPMB (nếu có) do ngân sách huyện Thiệu Hóa tự cân đối để thực hiện (theo Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh).

7. Hình thức QLDA: Chủ đầu tư trực tiếp tổ chức quản lý thực hiện dự án.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

9. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH xây dựng An Khánh Hưng.

10. Diện tích sử dụng đất: 6.329 m^2, trong đó:

- Mất đất vĩnh viễn (do công trình chiếm chỗ): 5.729 m^2;
- Mất đất tạm thời (lán trại, bãi đúc cấu kiện): 600 m^2.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH:

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định:

1.1. Văn bản pháp lý:

- Các văn bản của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa:

+ Công văn số 14473/UBND-THKH ngày 19/11/2018 về việc danh mục và dự kiến mức hỗ trợ xử lý, khắc phục các công trình bị thiết hại do mưa lũ gây ra;

+ Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 ban hành tình huống khẩn cấp để triển khai khắc phục kịp thời sự cố sạt lở đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa do mưa lũ tháng 10/2017 và đợt mưa lũ từ ngày 28-31/8/2018 gây ra;

+ Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xử lý sạt lở đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa;

- Các Quyết định của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT về công trình Xử lý sạt lở đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa:

+ Quyết định số 177/QĐ-SNN&PTNT ngày 04/4/2019 về việc giao thầu tư vấn giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình;

+ Quyết định số 197/QĐ-SNN&PTNT ngày 05/4/2019 về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát và chi phí khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

+ Quyết định số 198/QĐ-SNN&PTNT ngày 05/4/2019 về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Kế hoạch bảo vệ môi trường;

+ Quyết định số 202/QĐ-SNN&PTNT ngày 10/4/2019 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư;

+ Quyết định số 211/QĐ-SNN&PTNT ngày 11/4/2019 về việc phê duyệt dự toán các gói thầu tư vấn giai đoạn chuẩn bị đầu tư;

+ Quyết định số 220/QĐ-SNN&PTNT ngày 12/4/2019 về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường;

+ Quyết định số 221/QĐ-SNN&PTNT ngày 12/4/2019 về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu tư vấn, khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật;

- Báo cáo của Chi cục Đê điều và PCLB tại Công văn số 257/BC-CCĐĐ ngày 02/5/2019 về việc Báo cáo tổng hợp về hồ sơ trình thẩm định công trình: Xử lý sạt lở đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa;

- Tờ trình số 258/TTr-CCĐĐ ngày 02/5/2019 của Chi cục Đê điều và Phòng chống lụt bão về việc đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xử lý sạt lở đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa.

1.2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng: Báo cáo kết quả khảo sát địa hình, địa chất;

- Hồ sơ thiết kế bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình.

1.3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu :

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, thiết kế xây dựng công trình;

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát địa hình, địa chất, chủ nhiệm thiết kế và chủ trì thiết kế.

2. Các quy chuẩn kỹ thuật, các tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Tuyển tập Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam;

- QCVN 04-05:2012/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia công trình thủy lợi - Các quy định chủ yếu về thiết kế;

- QCVN 04-01:2010/BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thành phần, nội dung lập Báo cáo đầu tư, Dự án đầu tư và Báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án thuỷ lợi;

- TCVN 8218:2009 Bê tông thủy công - Yêu cầu kỹ thuật;

- TCVN 8477:2010 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 8478:2010 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế;

- TCVN 8481:2010 Công trình đê điều - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình;

- TCVN 8419:2010 Công trình thủy lợi - Thiết kế công trình bảo vệ bờ sông để chống lũ;

- TCVN 8421:2010 Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu;

- TCVN 4253:2012 Nền công trình thủy công - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9165:2012 Công trình thủy lợi - Yêu cầu kỹ thuật đắp đê;

- TCVN 10380:2014 Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế;

- TCVN 10404:2015 Công trình đê điều - Khảo sát địa chất công trình;

- TCVN 9902:2016 Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông;

- Quyết định số 606/QĐ-BNN-TCTL ngày 26/3/2013 về việc phân loại phân cấp các tuyến đê trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;

- Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về Quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến sông có đê trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 (hợp phần sông Mã);

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

3. Nội dung thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật:

3.1. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo an toàn và ổn định cho khu dân cư ngoài bãi sông và tuyến đê hữu sông Mã, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do lũ, lụt gây ra; nhanh chóng đưa công trình vào phục vụ công tác phòng, chống lụt bão trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

3.2. Quy mô, nội dung đầu tư và các giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

3.2.1. Quy mô đầu tư:

- Cấp công trình (cấp tuyến kè): Cấp IV;
- Mực nước lớn nhất tại đầu tuyến (K32+704): (+8.52)m;
- Tần suất mực nước kiệt thiết kế kè: P = 95 %;
- Tần suất đảm bảo phòng, chống lũ: P = 1 %;
- Hệ số ổn định cho phép: $[K] \geq 1,2$.

3.2.2. Các chỉ tiêu thiết kế chủ yếu:

TT	Thông số	Đơn vị	Trị số
1	Chiều dài tuyến kè thiết kế	m	466
2	Cao trình đỉnh đống đá thiết kế	m	(+1.10)
3	Cao trình đỉnh kè thiết kế	m	(+4.50) ÷ (+2.30)
4	Chiều rộng đỉnh cơ đống đá chân kè	m	(2,5 ÷ 5)
5	Hệ số mái kè		3
6	Hệ số mái chân kè		2 ÷ 2,5

3.2.3. Nội dung đầu tư:

Xây dựng tuyến kè chống sạt lở tương ứng K32+704 - K33+100 đê hữu sông Mã, xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa với chiều dài tuyến kè L = 466 m.

3.2.4. Giải pháp kỹ thuật chủ yếu:

a) Tuyến kè:

- Vị trí, hướng tuyến: Theo hướng tuyến bãi sông hiện tại, vị trí đầu tuyến thiết kế tương ứng tại K32+704 (tiếp giáp kè cũ hiện có); điểm cuối tại K33+100 tuyến đê hữu sông Mã;

- Chân kè: Kiểu lăng thể tựa bằng đá hộc thả rối; mặt và mái từ cao trình đỉnh lăng thể (+1.10)m xuống (+0.60)m được chêm chèn chặt bằng đá lát khan dày 30 cm; khóa đỉnh đá lát bằng dầm bê tông cốt thép (BTCT) M250, dọc tuyến kè cứ 11,80 m bố trí 1 khe lún chèn hai lớp giấy dầu tẩm nhựa đường;

- Mái kè: Mái kè được gia cố bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn M250, kích thước (40x40x16)cm trong hệ khung bằng BTCT M250 được tạo bởi các dầm dọc và ngang mái kè; dưới cấu kiện bê tông đúc sẵn là lớp đá dăm (1x2) cm dày 10 cm và 1 lớp vải địa kỹ thuật ART-15 (hoặc tương đương);

- Đỉnh kè: Khoá đỉnh kè bằng dầm BTCT M250, dọc tuyến cứ 11,80 m bố trí 1 khe lún chèn hai lớp giấy dầu tẩm nhựa đường. Phía trong đỉnh kè bố trí đường thi công rộng B = 4,5 m, mặt rải 1 lớp cấp phối đá dăm (CPĐD) loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm; mặt đường sau thi công được san gạt, gia cố bằng bê tông thường M250 dày 20 cm làm đường quản lý vận hành, dọc tuyến cứ 7,5 m cắt 1 khe lún sâu 17 cm, tạo mạch bằng máy cắt, mép đường phía sông giáp khóa kè, lề đường phía đồng rộng 0,5 m bằng đất đắp đầm chặt K ≥ 0,90.

b) Công trình trên tuyến kè (vị trí thể hiện theo lý trình tuyến kè):

- Bậc lên xuống mái kè: Bố trí 2 bậc (tại K0+116, K0+437); chiều rộng toàn bậc B = 2,5 m, kết cấu bằng bê tông thường M200, đáy lót 1 lớp ni lông tái sinh;

- Dốc xuống bến đò tại K0+282: Thân dốc phía mái kè bằng đá hộc xếp chèn chặt, ta luy hai phía m = 2; mặt dốc phía mái kè và phía đồng rộng B = 3 m được gia cố bằng bê tông thường M200 dày 20 cm;

- Đường thi công: Điểm đầu từ đê hữu sông Mã, điểm cuối nối tiếp dốc xuống bến đò tại K0+282, chiều dài tuyến L = 200,2 m. Trên cơ sở mặt bãi sông hiện có được đào bóc phong hóa, san đắp làm mới đường thi công bằng đất đắp K ≥ 0,95 (hệ số mái đắp m = 1,5); nền đường rộng B = 4,5 m, mặt gia cố Bgc = 3 m. Kết cấu gia cố mặt:

+ Giai đoạn 1: Rải CPĐD loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm làm đường thi công; lề bằng đất đắp

+ Giai đoạn 2: Mặt đường sau thi công được san gạt, gia cố bằng bê tông thường M250 dày 20 cm làm đường quản lý vận hành, dọc tuyến cứ 7,5 m cắt 1 khe lún sâu 17 cm, tạo mạch bằng máy cắt; lề đắp đất đá thải;

- Dốc xuống bãi đúc cấu kiện (phía trong đê): Chiều rộng mặt B = 4 m. Thân dốc bằng đất đắp đầm lèn đảm bảo độ chặt K ≥ 0,95 (hệ số mái đắp m = 1,5); mặt

gia cố Bgc = 3 m bằng CPĐD loại 2 lu lèn chặt dày 20 cm, lề bằng đất đắp.

**/ Vị trí, hình thức kết cấu chi tiết các hạng mục thể hiện trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo.*

4. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán:

- Khối lượng trong thiết kế bản vẽ thi công do Tư vấn thiết kế lập đã được thẩm định;

- Đơn giá công bố kèm theo các Quyết định số: 247/QĐ-UBND, 249/QĐ-UBND ngày 20/01/2017; số 3183/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá;

- Định mức dự toán xây dựng công trình công bố kèm theo văn bản số 1776/BXD -VP và 1777/BXD -VP ngày 16/8/2007 của Bộ xây dựng; Định mức dự toán xây dựng công trình (sửa đổi và bổ sung) công bố kèm theo các Quyết định số 1172/QĐ-BXD, 1173/QĐ-BXD ngày 26/12/2013 và 587/QĐ-BXD, 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng;

- Thông tư 06/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

- Các Thông tư của Bộ Tài chính: số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016, Quy định về Quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; số 329/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016, Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 119/2015/NĐ-CP ngày 13/11/2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng; số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016, Quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng; số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng và các chế độ XDCB của Nhà nước hiện hành;

- Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về công bố điều chỉnh đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Công bố giá vật liệu xây dựng Quý IV/2018 số 69/LSXD-TC ngày 04/01/2019; Quý I/2019 số 1785/LSXD-TC ngày 04/4/2019 của Lên Sở Xây dựng và Tài chính.

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP:

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham gia ý kiến thẩm định tại Công văn số 2611/SKHĐT-KTNN ngày 09/5/2019, với các nội dung:

- Về quy mô đầu tư: Theo hồ sơ trình thẩm định, chiều dài tuyến kè thiết kế là 500 m là chưa phù hợp với chủ trương đầu tư dự án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 (xây dựng tuyến kè chống sạt lở tương ứng với K32+700 - K33+100, dài khoảng 400 m). Vì vậy, đề

nghị Chủ đầu tư xác định lại quy mô đầu tư dự án cho phù hợp.

Về nội dung này, Sở Nông nghiệp và PTNT đã yêu cầu Chi cục Đê điều và PCLB chỉ đạo tư vấn thiết kế trên cơ sở rà soát thực tế, đối chiếu với chủ trương đầu tư để làm rõ. Theo đó, chủ trương đầu tư dự án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 chỉ nêu "xây dựng tuyến kè chống sạt lở tương ứng với K32+700 - K33+100 đê hữu sông Mã" mà không ấn định cụ thể chiều dài tuyến kè; vì vậy, việc tư vấn thiết kế đề xuất chiều dài tuyến kè (sau khi rà soát) là 466 m, với phạm vi tương ứng từ K32+700 - K33+100 đê hữu sông Mã là sát thực tế và phù hợp quy mô trong chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.

- Về tổng mức đầu tư: Trên cơ sở rà soát, xác định lại quy mô đầu tư đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định TMĐT của dự án phù hợp, đảm bảo không vượt TMĐT đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 01/4/2019.

- Về nguồn vốn: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ 10.000 triệu đồng (điều chuyển từ nguồn vốn ngân sách Trung ương bố trí cho dự án xử lý sạt lở đê hữu sông Mã đoạn K2+602 - K2+700 (đê cấp II), xã Quý Lộc, huyện Yên Định theo Công văn số 14473/UBND-THKH ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh). Phần kinh phí bồi thường GPMB (nếu có) do ngân sách huyện Thiệu Hóa tự cân đối để thực hiện.

2. Sở Tài chính: Tham gia ý kiến thẩm định tại Công văn số 1793/STC-QLNS.TTK ngày 10/5/2019, với nội dung:

Về tổng mức đầu tư và nguồn vốn do chủ đầu tư lập phù hợp với chủ trương đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xử lý sạt lở đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa.

(Có ý kiến tham gia của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2611/SKHĐT-KTNN ngày 09/5/2019, của Sở Tài chính tại Công văn số 1793/STC-QLNS.TTK ngày 10/5/2019 kèm theo).

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT

1. Sự phù hợp với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình được lập phù hợp với chủ trương đầu tư dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 01/4/2019.

2. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế; lập dự toán xây dựng: Đáp ứng yêu cầu của Hợp đồng và quy định của pháp luật.

3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình: Giải pháp thiết kế xây dựng công trình hợp lý đảm bảo kinh tế, kỹ thuật.

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình: Vật liệu xây dựng sử dụng cho công trình là phổ biến và tuân thủ đầy đủ theo các quy định hiện hành.

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận: Giải pháp thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đúng công năng, đáp ứng nhiệm vụ công trình, không có các công trình lân cận trên tuyến.

6. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ: Công trình không có yêu cầu về công nghệ.

7. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Công trình thuộc đối tượng phải lập và có xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015; tuy nhiên hồ sơ trình thẩm định chưa đề cập đến nội dung này.

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế: Không.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN:

1. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế: Khối lượng xây dựng tính trong dự toán phù hợp với khối lượng trong chiết tính tại các bản vẽ thiết kế thi công.

2. Tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình: Việc áp dụng định mức, đơn giá, chế độ, chính sách và các khoản mục chi phí có liên quan đến các chi phí tính trong dự toán cơ bản phù hợp theo quy định hiện hành.

3. Giá trị dự toán xây dựng công trình sau thẩm định: 9.617.660.000 đồng *(Chín tỷ sáu trăm mười bảy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Trong đó: Đơn vị: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	Dự toán trình thẩm định	Dự toán sau thẩm định	Chênh lệch (tăng + giảm-)
1	Chi phí xây dựng	7.822.417.961	7.807.317.000	-15.100.961
2	Chi phí quản lý dự án	176.815.000	176.474.000	-341.000
3	Chi phí tư vấn ĐTXD	744.983.984	709.848.000	-35.135.984
4	Chi phí khác	467.149.865	466.037.000	-1.112.865
5	Chi phí dự phòng	460.645.000	457.984.000	-2.661.000
	Tổng cộng (làm tròn)	**9.671.935.000**	**9.617.660.000**	**-54.275.000**

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Nguyên nhân tăng, giảm: Một số khối lượng; đơn giá, định mức đơn vị tư vấn thiết kế lập chưa phù hợp hoặc chưa đề cập, cơ quan thẩm định đã chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với chế độ và quy định hiện hành.

VI. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ:

- Các tài liệu phục vụ thiết kế: Đơn vị tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính đúng đắn, chính xác của các tài liệu: Khảo sát địa hình, địa chất; khí tượng, thủy văn phục vụ công tác lập thiết kế; các cự ly vận chuyển của vật liệu đất

đắp, cấu kiện bê tông đúc sẵn lát mái kè, phế thải ra bãi thải;

- Tổ chức lập Kế hoạch bảo vệ môi trường, trình cấp thẩm quyền xác nhận trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

- Tổng mức đầu tư xây dựng công trình: Đối với công tác rải đá dăm lót; lắp ghép cấu kiện bê tông đúc sẵn; thả đá rời và phao thả đá rời hiện tại chưa có trong định mức được các bộ, ngành và UBND tỉnh công bố. Căn cứ Điểm a Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ việc đơn vị tư vấn thiết kế đề nghị vận dụng định mức công tác trên ở các công trình tương tự đã được phê duyệt là phù hợp;

- Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xử lý khẩn cấp đê hữu sông Mã đoạn từ K32+700 - K33+100 xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa đủ điều kiện để trình phê duyệt.

Kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/cáo);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Chi cục Đê điều và PCLB (để cấp hồ sơ);
- Lưu VT, QLXDCT, Tuấn, Hải.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH THANH HÓA

Đặng Tiến Dũng

PHỤ LỤC: TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

CÔNG TRÌNH : XỬ LÝ SẠT LỞ ĐÊ HỮU SÔNG MÃ ĐOẠN TỪ K32+700-K33+100, XÃ THIỆU THỊNH, HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Công văn số 1777 /SNN&PTNT-QLXDCT ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Giám đốc Sở NN&PTNT)

Đơn vị tính : đồng

TT	Nội dung công việc	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị dự toán trước thuế	Thuế VAT	Giá trị dự toán sau thuế
I	**Chi phí xây dựng (Gxd):**	**Gxd**		**7.097.560.909**	**709.756.091**	**7.807.317.000**
II	**Chi phí quản lý dự án (Gqlda):**	**Gqlda**	3,108%*(Gxd*0,8)	**176.473.754**		**176.474.000**
III	**Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gtv)**	**Gtv**		**645.316.634**	**64.531.663**	**709.848.000**
1	Chi phí Khảo sát xây dựng,	Gtv1	QĐ 197/QĐ-SNN&PTNT ngày 05/4/2019	152.174.545	15.217.455	167.392.000
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát			4.565.455	456.545	5.022.000
3	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng			6.196.547	619.655	6.816.202
4	Chi phí Lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	Gtv2		289.460.000	28.946.000	318.406.000
5	Chi phí Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Gtv3	QĐ 198/QĐ-SNN&PTNT ngày 05/4/2019	8.525.455	852.545	9.378.000
6	Chi phí Giám sát thi công xây dựng công trình	Gtv4	2,5980%*Gxd	184.394.632	18.439.463	202.834.096
IV	**Chi phí khác (Gk)**	**Gk**		**430.265.545**	**35.771.707**	**466.037.000**
1	Phí thẩm định dự án	Gk1	0,019%*TMĐT	1.827.355		1.827.355
2	Chi phí bảo hiểm công trình	Gk2	1,040%*Gxd	73.814.633	7.381.463	81.196.097
3	Chi phí kiểm tra nghiệm thu công trình của cơ quan quản lý nhà nước	Gk3	Tạm tính	6.000.000		6.000.000
4	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	Gk4	0,673%*TMĐT	64.721.120		64.721.120
5	Chi phí hạng mục chung	Gk5	*4,0%*Gxd*	283.902.436	*28.390.244*	*312.292.680*
V	**Chi phí Dự phòng**		5%*(I+II+..+V)			**457.984.000**
	Tổng cộng		**I+II+...+VI**			**9.617.660.000**

Trưởng phòng	Thẩm định BCKTKT	Thẩm định TM
Nguyễn Văn Chính	Lê Anh Tuấn	Trịnh Đình Hải